

Bản án số: 118/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 – 2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Xuân Đào;

2. Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 393/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Tr: Ông Phan Phụng Đức D – Luật sư – C ty Luật TNHH P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 4 năm 2023 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Tr chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến ngày 09 tháng 4 năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Tr.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn H, sinh ngày 03/9/2018, hiện nay do ông C đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông C xin được tiếp tục nuôi con chung,

ông C xác định công việc hiện tại của ông là kinh doanh quán ăn, nước uống giải khát tại căn nhà thuê tại Khu công nghiệp Tân Đô thuộc xã Đ. Đồng thời căn nhà này cũng là nơi sinh sống ổn định của vợ chồng ông C cùng với mẹ vợ và một người giúp việc từ khi ông và bà Tr chung sống với nhau cho đến khi bà Tr rời khỏi nhà cho đến nay. Hàng tháng thu nhập của ông C khoảng 20.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường cho con chung là H nên ông không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con chung khi ông và bà Tr ly hôn với nhau.

Về tài sản chung: Ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tr trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Bà và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Bà Tr xác định cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà đã tự ý rời khỏi nhà và thuê nhà trọ khác để ở và sinh sống ổn định từ ngày 09 tháng 4 năm 2023 cho đến nay. Bà Tr xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông C nữa nên bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Tr xác định có 01 con chung là Nguyễn H, sinh ngày 03/9/2018, hiện nay do ông C đang nuôi dưỡng, chăm sóc cùng với mẹ của bà Tr tại căn nhà thuê ở Khu C nghiệp Tân Đô. Khi ly hôn, bà Tr xin được quyền trực tiếp nuôi con chung vì hiện nay bà cũng có công việc buôn bán nhỏ có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng, với mức thu nhập này bà vẫn đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường cho con chung là H nên bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung khi bà và ông C ly hôn với nhau.

Về tài sản chung: Bà Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Tr như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, ông C và bà Tr thống nhất tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Ông C và bà Tr đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn H, xét về điều kiện nuôi con của bà Tr và ông C thì cả bà Tr và ông C đều đủ điều kiện nuôi con vì có công việc và mức thu nhập ổn định như nhau nhưng cả hai đều ở nhà thuê nên chưa đảm bảo về mặt ổn định nơi ở. Mặt khác, bé H là nữ giới nếu giao cho bà Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì sẽ tạo điều kiện cho bé H được phát triển ổn định về mặt tâm sinh lý vì được gần gũi mẹ hơn. Từ các căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung H, bà Tr không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr và ông C thống nhất xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, các bên không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tr; bà Tr có hộ khẩu thường trú tại ấp B1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Tr chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An nên hôn nhân giữa ông C và bà Tr là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông C và bà Tr thừa nhận cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc đến ngày 09 tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nên cả hai đã ly thân nhau cho đến nay. Tại phiên tòa, ông C vẫn kiên quyết xin ly hôn với bà Tr, bà Tr đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông C được ly hôn với bà Tr là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét về điều kiện và khả năng nuôi con chung của ông C và bà Tr đều như nhau vì công việc là lao động tự do, có nơi ở là nhà thuê nhưng từ khi bà Tr tự ý rời nhà đi cho đến nay con chung H do ông C cùng với mẹ ruột của bà Tr nuôi dưỡng, chăm sóc và vẫn phát triển bình thường, điều này đã được bà Tr thừa nhận tại phiên tòa. Mặc dù, con chung H là nữ giới nếu được gần gũi mẹ thì sẽ ổn định được tâm sinh lý nhưng hiện nay, bà Tr vẫn phải đi làm và việc chăm sóc con chung sẽ thuê người phụ giúp. Đối với ông C thì ngoài ông chăm sóc, nuôi dưỡng con thì trong nhà còn có mẹ vợ (mẹ ruột bà Tr) đang sinh sống cùng với ông C vẫn đang chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi H được sinh ra cho đến nay. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi và sự phát triển, ổn định tâm sinh lý của con chung sau khi ông C và bà Tr ly hôn với nhau Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung Nguyễn H, sinh ngày 03/9/2018 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Xét quan điểm của Luật sư Phan Phụng Đức D bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Tr là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận về việc bà Tr xin được quyền trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn H.

[6]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Tr thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 483, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với bà Nguyễn Thị Tr về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tr.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn C được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn H, sinh ngày 03/9/2018. Bà Nguyễn Thị Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì ông Nguyễn Văn C không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Tr thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008433 ngày 10/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Ông C không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đức Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Kim Thanh